

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 9 - THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 77/2026/HS-ST

Ngày 05 tháng 8 năm 2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 - THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Huyền

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Dương và ông Nguyễn Văn Hải

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Lữ Thị Hải Vân - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 9 - Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Hà Thị Hường - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 8 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 9 - Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 72/2026/TLST-HS ngày 10 tháng 7 năm 2026, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1030/2026/QĐXXST-HS ngày 27 tháng 7 năm 2026 đối với bị cáo:

Trần Quốc C - Sinh ngày 25/10/1995, tại **xã H, tỉnh Thanh Hóa**. Nơi cư trú: **Thôn T, xã H, tỉnh Thanh Hóa**. Số định danh cá nhân: . Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam. Con ông **Trần Quốc T** và bà **Nguyễn Thị T1**. Chưa có vợ, con. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

*** Bị hại:** Anh **Lê Văn Đ**, sinh năm 1997 (đã chết)

Người đại diện hợp pháp cho bị hại theo uỷ quyền: Anh **Lê Văn Đ1**, sinh năm 1994; nơi cư trú: **Tổ dân phố T, phường H, tỉnh Thanh Hóa** (là anh trai của **Lê Văn Đ**) - (vắng mặt).

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Chị **Lê Thị N**, sinh năm 1995; nơi cư trú: **Thôn N, xã T, tỉnh Thanh Hóa** (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 21 giờ 40 phút ngày 29/4/2026, **Trần Quốc C** có giấy phép lái xe ô tô hạng B2 hợp lệ, điều khiển xe ô tô biển kiểm soát 36B-361.50 thuộc sở hữu của chị **Lê Thị N**, chở chị **N** ngồi ở ghế phụ phía trước, lưu thông trên **đường N - Bãi Trành** theo hướng Tây - Đông, từ **Ủy ban nhân dân xã T** đi **Quốc lộ A**. Khi đến Km 10 thuộc địa phận **thôn T, xã T, tỉnh Thanh Hóa**, đây là đoạn đường được rải thảm nhựa bằng phẳng, lòng đường rộng 10 mét, có vạch sơn đứt đoạn chia đường thành hai phần cho phương tiện lưu thông ngược chiều, mỗi phần đường rộng 05 mét; hai bên đường là bãi đất trống, không có hộ dân sinh sống, không có hệ thống biển báo giao thông và đèn cao áp chiếu sáng. Thời điểm xảy ra vụ việc trời tối, mặt đường khô ráo, người và phương tiện tham gia giao thông thưa thớt.

Trong quá trình điều khiển xe, do buồn ngủ nên **C** không chú ý quan sát phần đường phía trước và không giữ khoảng cách an toàn với xe ô tô đi cùng chiều phía trước, làm xe ô tô do **C** điều khiển gần va chạm vào đuôi xe này. Chị **Lê Thị N** hô lớn làm **C** tỉnh ngủ. Do hoảng loạn, **C** đạp nhầm chân ga, đồng thời đánh lái gấp sang phải để tránh xe ô tô phía trước, khiến xe ô tô biển kiểm soát 36B-361.50 lấn sang phần đường bên trái theo chiều đi của **C**, là phần đường dành cho xe đi ngược chiều, rồi va chạm với xe mô tô biển kiểm soát 36C1-273.78 do anh **Lê Văn Đ** điều khiển theo hướng Đông - Tây, đi đúng phần đường quy định.

Hậu quả, anh **Lê Văn Đ** bị thương, được đưa đi cấp cứu tại bệnh viện nhưng đến ngày 30/4/2026 thì tử vong; xe ô tô biển kiểm soát 36B-361.50 và xe mô tô biển kiểm soát 36C1-273.78 bị hư hỏng.

Tại Bản kết luận giám định tử thi số 2406/KLGĐTT-PC09 ngày 22/5/2026 của **Phòng K Công an tỉnh T** kết luận nguyên nhân chết của anh **Lê Văn Đ** là: “Đa chấn thương”.

Tại Bản kết luận giám định phương tiện số 2311/KL-KTHS ngày 18/5/2026 của **Phòng K Công an tỉnh T** kết luận: Điểm va chạm đầu tiên giữa hai phương tiện là mặt trước ngoài đầu bên phải ba-đờ-xóc trước xe ô tô biển

kiểm soát 36B-361.50 với mặt và má hai bên lốp trước, cạnh hai bên vành trước, tương ứng hàng chữ “CHENGSHIN TIRE” tại má trái xe mô tô biển kiểm soát 36C1-273.78; tại thời điểm va chạm hai phương tiện chuyển động ngược chiều nhau; vị trí va chạm nằm trước đầu vết cào xuống mặt đường ký hiệu (3), trên chiều đường theo hướng từ Đông sang T; không đủ cơ sở xác định vận tốc của hai phương tiện và phương tiện nào có vận tốc lớn hơn tại thời điểm va chạm.

Tại Bản kết luận giám định số 2196/KL-KTHS ngày 11/5/2026 của Phòng K Công an tỉnh T kết luận: Không tìm thấy chất ma túy và sản phẩm chuyển hóa của chất ma túy trong mẫu máu của anh Lê Văn Đ và mẫu nước tiểu của Trần Quốc C, Lê Thị N gửi giám định.

Tại Bản kết luận giám định số 2208/KL-KTHS ngày 11/5/2026 của Phòng K Công an tỉnh T kết luận: Mẫu máu của Lê Văn Đ, Trần Quốc C và Lê Thị N gửi giám định không có Ethanol (còn).

Tại Bản kết luận giám định số 2624/KL-KTHS ngày 05/6/2026 của Phòng K Công an tỉnh T kết luận: Không tìm thấy dấu vết cắt ghép, chỉnh sửa nội dung hình ảnh trong các tệp video lưu trong mẫu vật gửi giám định; nội dung hình ảnh của các tệp video được thể hiện trong 04 ảnh tại phụ lục.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 05/KL-HĐĐGTS ngày 10/6/2026 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thuộc Ủy ban nhân dân xã T, tỉnh Thanh Hóa xác định: Xe ô tô biển kiểm soát 36B-361.50 bị hư hỏng, thiệt hại 27.340.200 đồng; xe mô tô biển kiểm soát 36C1-273.78 bị hư hỏng, thiệt hại 8.130.000 đồng; tổng thiệt hại về tài sản là 35.470.200 đồng.

Tại Cơ quan điều tra, Trần Quốc C đã thành khẩn khai nhận hành vi điều khiển xe ô tô gây tai nạn giao thông như đã nêu trên. Lời khai của bị cáo phù hợp với biên bản khám nghiệm hiện trường, sơ đồ hiện trường, kết quả khám nghiệm phương tiện, các kết luận giám định, dữ liệu hình ảnh và các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập có trong hồ sơ vụ án.

Về việc thu giữ và xử lý vật chứng: Cơ quan điều tra đã thu giữ 01 xe ô tô biển kiểm soát 36B-361.50, 01 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô biển kiểm soát 36B-361.50 và 01 giấy phép lái xe ô tô hạng B2 mang tên Trần Quốc C, có giá trị đến ngày 30/10/2028; 01 xe mô tô biển kiểm soát 36C1-273.78, 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển kiểm soát 36C1-273.78 và 01 giấy phép lái

xe mô tô hạng A1 mang tên **Lê Văn Đ**. Ngày 03/6/2026, Cơ quan điều tra đã trả xe ô tô cùng giấy tờ liên quan cho chị **Lê Thị N** là chủ sở hữu hợp pháp; trả xe mô tô cùng giấy tờ liên quan cho anh **Lê Văn Đ1** là người đại diện gia đình nạn nhân được ủy quyền. Giấy phép lái xe ô tô hạng B2 của **Trần Quốc C** và giấy phép lái xe mô tô hạng A1 của **Lê Văn Đ** được chuyển theo hồ sơ vụ án để phục vụ truy tố, xét xử.

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo **Trần Quốc C** đã tự nguyện thỏa thuận, bồi thường cho đại diện hợp pháp của bị hại số tiền 500.000.000 đồng. Gia đình bị hại không yêu cầu bồi thường dân sự gì khác và có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Đối với xe ô tô biển kiểm soát 36B-361.50 bị hư hỏng thiệt hại 27.340.200 đồng, chị **Lê Thị N** không yêu cầu bồi thường.

Tại Cáo trạng số 186/CT-VKSKV9 ngày 09/7/2026, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Thanh Hóa truy tố bị cáo **Trần Quốc C** về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” theo điểm a khoản 1 Điều 260 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố về tội danh như Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 260; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 65 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo từ 18 đến 24 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 36 đến 48 tháng; không áp dụng hình phạt bổ sung. Về vật chứng: Đề nghị trả lại giấy phép lái xe mang tên **Trần Quốc C** cho bị cáo; trả lại giấy phép lái xe mang tên **Lê Văn Đ** cho đại diện hợp pháp của bị hại. Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Phần tranh luận: Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội, không có ý kiến tranh luận. Lời nói sau cùng, bị cáo xin được giảm nhẹ hình phạt và xin được cải tạo tại địa phương.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng: Cơ quan CSĐT **công an tỉnh T**, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Thanh Hóa, Kiểm sát viên trong quá trình

điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của bị hại vắng mặt nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Xét thấy việc vắng mặt của người này không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại khoản 1 Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Về nội dung:

Tại phiên tòa, bị cáo **Trần Quốc C** đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với biên bản khám nghiệm hiện trường, sơ đồ hiện trường, kết quả khám nghiệm phương tiện, các kết luận giám định, dữ liệu hình ảnh, lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định:

Khoảng 21 giờ 40 phút ngày 29/4/2026, tại **K đường N - B thuộc thôn T, xã T, tỉnh Thanh Hóa**, **Trần Quốc C** có giấy phép lái xe ô tô hạng B2 hợp lệ, điều khiển xe ô tô biển kiểm soát 36B-361.50 trong trạng thái buồn ngủ, không chú ý quan sát và không giữ khoảng cách an toàn với xe ô tô đi cùng chiều phía trước. Khi chi **Lê Thị N** hô lớn, bị cáo tỉnh ngủ nhưng do hoảng loạn đã đạp nhầm chân ga, đánh lái gấp sang phải, làm xe lấn sang phần đường dành cho xe đi ngược chiều và va chạm với xe mô tô biển kiểm soát 36C1-273.78 do anh **Lê Văn Đ** điều khiển đi đúng phần đường quy định. Hậu quả, anh **Lê Văn Đ** bị thương và tử vong ngày 30/4/2026. Hành vi của bị cáo đã vi phạm khoản 1 Điều 10 và khoản 1 Điều 12 Luật trật tự, an toàn giao thông đường bộ

Nên tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát luận tội vẫn giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo về tội "Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ" theo điểm a khoản 1 Điều 260 Bộ luật hình sự là có căn cứ phù hợp với quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: hành vi phạm tội của bị cáo **Trần Quốc C** có đầy đủ yếu tố cấu thành tội "Vi phạm quy định về tham gia giao

thông đường bộ" tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 260 của Bộ luật hình sự.

[3] Tính chất vụ án: Đây là vụ tai nạn giao thông gây hậu quả nghiêm trọng làm thiệt hại đến tính mạng con người. Bị cáo có giấy phép lái xe hợp lệ trong khi điều khiển ô tô là nguồn nguy hiểm cao độ tham gia giao thông tại **K đường N** - Bãi Trành thuộc **thôn T, xã T, tỉnh Thanh Hóa** đã cầu thả, chủ quan, không chú ý quan sát phía trước, không đảm bảo an toàn, đi lấn sang phần đường dành cho xe đi ngược chiều và va chạm với xe mô tô biển kiểm soát 36C1-273.78 do anh **Lê Văn Đ** điều khiển. Hậu quả anh **Lê Văn Đ** tử vong, nguyên nhân xảy ra tai nạn lỗi chính do bị cáo. Hành vi của bị cáo đã vi phạm Luật trật tự, an toàn giao thông đường bộ (vi phạm khoản 1 Điều 10 và khoản 1 Điều 12 Luật trật tự, an toàn giao thông đường bộ), vi phạm đến trật tự an toàn xã hội, xâm phạm đến tính mạng con người, là hành vi nguy hiểm cho xã hội, do vậy phải xử lý nghiêm.

[4] Nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, trách nhiệm hình sự đối với bị cáo: Bị cáo là người có nhận thức, có giấy phép lái xe hợp lệ, trong khi điều khiển phương tiện tham gia giao thông đã vi phạm luật giao thông đường bộ, dẫn đến phạm tội. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng. Bị cáo có các tình tiết giảm nhẹ: Sau khi phạm tội đã nhận thấy sai phạm của mình thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo đã cùng gia đình đến xin lỗi gia đình bị hại và cùng với gia đình tự nguyện bồi thường thiệt hại cho gia đình bị hại để khắc phục hậu quả, phía đại diện gia đình bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có đơn đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo được quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Xét thấy bị cáo có nhân thân tốt, chưa tiền án, tiền sự, phạm tội do lỗi vô ý, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như phân tích đánh giá nêu trên, bản thân có nơi cư trú rõ ràng, phạm tội lần đầu, nghĩ nên chưa cần thiết phải cách ly bị cáo khỏi xã hội, mà áp dụng Điều 65 BLHS cho bị cáo được hưởng án treo, cải tạo tại địa phương, dưới sự giám sát của chính quyền, để bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật mà cải tạo, trở thành người công dân có ích cho xã hội.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Gia đình bị cáo và gia đình bị hại đã thống nhất thoả thuận bồi thường cho gia đình bị hại số tiền 500.000.000đ (năm trăm triệu đồng), gia đình bị hại đã nhận đầy đủ và không có ý kiến thắc mắc gì. Xét việc thoả thuận của các bên là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với pháp luật, nên công nhận phần bồi thường dân sự đã giải quyết xong. Chị **Lê Thị N** không yêu cầu bồi thường thiệt hại đối với xe ô tô biển kiểm soát 36B-361.50 nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về vật chứng:

Đối với 01 Giấy phép lái xe ô tô hạng B2 số 380130035665, cấp ngày 30/10/2018, mang tên **Trần Quốc C**, cơ quan điều tra thu giữ, hiện đang lưu giữ trong hồ sơ vụ án, căn cứ điểm a khoản 3 Điều 106 BLTTHS cần xem xét trả lại cho bị cáo.

Đối với 01 giấy phép lái xe mô tô hạng A1 số 400166005361, cấp ngày 01/02/2016, mang tên **Lê Văn Đ**, cơ quan điều tra thu giữ, hiện đang lưu giữ trong hồ sơ vụ án, căn cứ điểm a khoản 3 Điều 106 BLTTHS cần xem xét trả lại cho đại diện hợp pháp của bị hại.

[7] Về áp dụng hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo

[8] Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải chịu án phí hình sự theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

* **Căn cứ:** Điểm a khoản 1 Điều 260; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 BLHS; điểm a khoản 3 Điều 106; khoản 2 Điều 136; Điều 331, Điều 332, Điều 333 BLTTHS; Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội qui định mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

* **Tuyên bố:** Bị cáo **Trần Quốc C** phạm tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”.

* **Xử phạt:** Bị cáo **Trần Quốc C** 24 (hai mươi bốn) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 48 (bốn mươi tám) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo **Trần Quốc C** cho **Ủy ban nhân dân xã H**, tỉnh Thanh Hóa quản lý, giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo vắng mặt tại nơi cư trú, thay đổi nơi cư trú hoặc nơi làm việc thì thực hiện theo quy định tại Điều 87 Luật Thi hành án hình sự. Trường hợp người được hưởng án treo có nguyện vọng, làm việc, học tập ngoài nơi cư trú thì thực hiện theo qui định tại Điều 88 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án cho hưởng án treo theo qui định tại khoản 5 Điều 65 BLHS.

*** Về dân sự:** Bị cáo **Trần Quốc C** đã bồi thường cho đại diện hợp pháp của bị hại số tiền 500.000.000 đồng. Đại diện hợp pháp của bị hại đã nhận đủ, không yêu cầu bồi thường khoản nào khác nên Hội đồng xét xử không xem xét.

*** Về vật chứng:**

Trả lại cho bị cáo **Trần Quốc C** 01 (một) Giấy phép lái xe hạng B2 số 380130035665, cấp ngày 30/10/2018, mang tên **Trần Quốc C**.

Trả lại cho đại diện hợp pháp của bị hại **Lê Văn Đ** 01 (một) Giấy phép lái xe hạng A1 số 400166005361, cấp ngày 01/02/2016, mang tên **Lê Văn Đ**.

(Các giấy phép lái xe nêu trên hiện được lưu giữ cùng hồ sơ vụ án tại Tòa án nhân dân khu vực 9 - Thanh Hóa).

*** Về án phí:** Bị cáo phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 4,6,7,36,72 của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 34 Luật thi hành án dân sự.

*** Về quyền kháng cáo:** Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị **Lê Thị N** có quyền kháng cáo đối với phần có liên quan đến quyền lợi của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người đại diện hợp pháp cho bị hại theo

uỷ quyền có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND khu vực 9 - Thanh Hóa;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- Công an tỉnh Thanh Hóa;
- Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa;
- Bị cáo;
- Đại diện hợp pháp của bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh Huyền